

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15385/UBND-NV

Cử Chi, ngày 29 tháng 11 năm 2018

V/v phê duyệt danh sách những người có
nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập
năm 2018

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp;
- Chủ tịch UBND các xã – thị trấn;
- Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện Cử Chi;
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Cử Chi.

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập;

Xét Tờ trình số 1905/TTr-PNV ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Phòng Nội vụ về việc phê duyệt danh sách những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2018; Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 theo danh sách đính kèm.

Nhận được văn bản này đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thông báo đến những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 để biết và thực hiện.

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện triển khai văn bản này đến các trường học trên địa bàn huyện biết để thực hiện./.

(Ghi chú: Danh sách những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được truyền trên hệ thống Quản lý văn bản)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, PNV.2.PNTHien.60.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Công văn số **15385**/UBND-NV ngày **29** tháng **11** năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Hoài Phú	1968	Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện	
2	Phạm Thị Thanh Hiền	1979	Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện	
3	Lê Đình Đức	1964	Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện	
4	Nguyễn Việt Dũng	1972	Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện	
5	Phạm Quỳnh Anh	1981	Phó chủ tịch HĐND huyện	Hội đồng nhân dân huyện	
6	Nguyễn Văn Nghĩa	1972	Phó chủ tịch HĐND huyện	Hội đồng nhân dân huyện	
7	Trần Văn Thành	1973	Phó Trưởng ban KTXH	Hội đồng nhân dân huyện	
8	Nguyễn Thị Xuân Mai	1979	Phó Trưởng ban Pháp chế	Hội đồng nhân dân huyện	
9	Nguyễn Văn Út	1970	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND-UBND	
10	Nguyễn Thị Trinh	1973	Phó Chánh văn phòng	nt	
11	Tô Thị Mỹ Loan	1972	Kế toán	nt	
12	Cao Thị Thanh Nhân	1976	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	
13	Nguyễn Văn Lâm	1964	Phó trưởng phòng	nt	
14	Trần Ngọc Tiến	1988	Phó trưởng phòng	nt	
15	Lê Thị Ngọc Nhung	1974	Chuyên viên - Kế toán	nt	
16	Hồ Nguyễn Hoàng Vinh	1987	Chuyên viên phụ trách Thi đua, khen thưởng	nt	
17	Trần Văn Toàn	1964	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
18	Kim Văn Minh	1965	Phó trưởng phòng	nt	
19	Nguyễn Huỳnh Long	1971	Phó trưởng phòng	nt	
20	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1976	Kế toán viên	nt	
21	Tự Thị Sỹ	1979	Kế toán viên	nt	
22	Trần Thị Minh Tâm	1986	Chuyên viên - Ban mua sắm công	nt	
23	Lê Văn Nhớ	1975	Chuyên viên - Ban mua sắm công	nt	
24	Phan Văn Lâm	1975	Tài xế - Ban mua sắm công	nt	
25	Lê Văn Thúa	1962	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	
26	Nguyễn Thành Thông	1962	Phó trưởng phòng	nt	
27	Tô Minh Tú	1979	Phó trưởng phòng	nt	
28	Ngô Phạm Đình Thái	1983	Chuyên viên	nt	
29	Nguyễn Thanh Thảo	1986	Chuyên viên	nt	
30	Nguyễn Vương Châu	1967	Chuyên viên	nt	
31	Dương Hồng Duyên	1992	Chuyên viên	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
32	Nguyễn Văn Phon	1959	Chuyên viên	nt	
33	Nguyễn Văn Phương	1962	Chuyên viên	nt	
34	Thái Thu Trang	1966	Chuyên viên	nt	
35	Nguyễn Thanh Tây	1988	Chuyên viên	nt	
36	Trần Thị Mỹ Ngân	1983	Chuyên viên	nt	
37	Phạm Minh Chung	1982	Chuyên viên	nt	
38	Huỳnh Phúc Khang	1992	Chuyên viên	nt	
39	Lê Thị Ánh Tuyết	1984	Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
40	Nguyễn Thị Hồng Phí	1970	Phó trưởng phòng	nt	
41	Trương Văn Hai	1961	Phó trưởng phòng	nt	
42	Đỗ Văn Nhũ	1967	Phó trưởng phòng	nt	
43	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1987	Kế toán	nt	
44	Khâu Bửu Quốc	1976	Phụ trách chính sách có công	nt	
45	Nguyễn Thị Luynh Phi	1984	Phụ trách chính sách có công	nt	
46	Nguyễn Thái Bình	1972	Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị	
47	Nguyễn Văn Đùng	1977	Phó trưởng phòng	nt	
48	Lê Hoàng Hải	1979	Phó trưởng phòng	nt	
49	Bùi Thị Kim Ngân	1983	Chuyên viên	nt	
50	Đoàn Minh Quang	1974	Cán sự	nt	
51	Đoàn Thanh Tú	1986	Chuyên viên	nt	
52	Lê Thị Kim Cúc	1983	Chuyên viên	nt	
53	Ngô Thị Thanh Loan	1987	Chuyên viên	nt	
54	Nguyễn Anh Tuấn	1975	Chuyên viên	nt	
55	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1984	Chuyên viên	nt	
56	Nguyễn Xuân Tuyền	1981	Chuyên viên	nt	
57	Trần Lê Phát	1981	Chuyên viên	nt	
58	Lê Khánh Duyệt	1989	Chuyên viên	nt	
59	Dương Hằng Ni	1992	Chuyên viên	nt	
60	Nguyễn Văn Tuấn	1986	Chuyên viên	nt	
61	Huỳnh Hồng Nam	1976	Chuyên viên	nt	
62	Võ Thanh Bình	1976	Đội trưởng	Đội Quản lý Trật tự đô thị	
63	Võ Văn Phát	1976	Đội phó	nt	
64	Lê Quốc Việt	1980	Cán sự	nt	
65	Tăng Văn Lợi	1966	Chuyên viên	nt	
66	Bùi Đình Phát	1972	Chuyên viên	nt	
67	Đào Xuân Tâm	1983	Cán sự	nt	
68	Đào Thị Kim Cúc	1975	Chuyên viên	nt	
69	Nguyễn Văn Rậm	1962	Cán sự	nt	
70	Lê Minh Tân	1978	Cán sự	nt	
71	Nguyễn Trung Hậu	1979	Cán sự	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
72	Nguyễn Thanh Hải	1980	Cán sự	nt	
73	Trương Hồng Miên	1979	Cán sự	nt	
74	Trần Long Nguyên	1985	Chuyên viên	nt	
75	Nguyễn Thanh Loan	1987	Chuyên viên	nt	
76	Trần Văn Cường	1967	Cán sự	nt	
77	Trần Thị Mỹ An	1981	Cán sự	nt	
78	Ngô Văn Thường	1983	Cán sự	nt	
79	Nguyễn Thị Hồng Lưu	1978	Cán sự	nt	
80	Bùi Nguyên Thái	1978	Cán sự	nt	
81	Bùi Văn Tân	1984	Nhân viên	nt	
82	Tô Lê Nam	1982	Cán sự	nt	
83	Ngô Thị Ngọc Thủy	1991	Cán sự	nt	
84	Lê Đình Tấn	1965	Cán sự	nt	
85	Lê Văn Nghĩa	1962	Nhân viên	nt	
86	Dương Văn Khương	1956	Nhân viên	nt	
87	Phạm Ngọc Tính	1967	Nhân viên	nt	
88	Trương Minh Chánh	1976	Nhân viên	nt	
89	Trần Kim Hồng Gấm	1987	Chuyên viên	nt	
90	Nguyễn Thành Cao	1989	Cán sự	nt	
91	Nguyễn Thanh Nga	1992	Cán sự	nt	
92	Đỗ Thế Dương	1982	Cán sự	nt	
93	Trương Thị Mỹ Ái	1993	Chuyên viên	nt	
94	Nguyễn Thị Cẩm Thu	1993	Cán sự	nt	
95	Lê Trọng Duận	1981	Chuyên viên	nt	
96	Lê Thị Tú Linh	1992	Cán sự	nt	
97	Nguyễn Đức Dũng	1986	Nhân viên	nt	
98	Nguyễn Thành Long	1990	Nhân viên	nt	
99	Trần Thị Ngọc Trâm	1992	Nhân viên	nt	
100	Nguyễn Thị Bích Tuyền	1993	Nhân viên	nt	
101	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1994	Nhân viên	nt	
102	Võ Thị Kiều Tiên	1979	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
103	Nguyễn Thị Đẹp	1988	Phó trưởng phòng	nt	
104	Vương Thị Cẩm Lệ	1980	Phó trưởng phòng	nt	
105	Nguyễn Duy Bảo	1979	Chuyên viên	nt	
106	Lâm Thị Ngọc Thu	1965	Chuyên viên	nt	
107	Lê Minh Trí	1989	Chuyên viên	nt	
108	Liêu Phương Thắm	1983	Chuyên viên	nt	
109	Nguyễn Minh Nhựt	1985	Chuyên viên	nt	
110	Nguyễn Minh Nhựt	1990	Chuyên viên	nt	
111	Nguyễn Thanh Tâm	1979	Chuyên viên	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
112	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1989	Chuyên viên	nt	
113	Trần Ngọc Diễm	1985	Chuyên viên	nt	
114	Trần Thị Kim Ngọc	1982	Chuyên viên	nt	
115	Bùi Nguyễn Thúy An	1982	Chuyên viên	nt	
116	Phạm Ngọc Tuyết Ngân	1990	Chuyên viên	nt	
117	Nguyễn Thanh Hoài	1987	Chuyên viên	nt	
118	Đỗ Thị Trúc Giang	1988	Chuyên viên	nt	
119	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1980	Chuyên viên	nt	
120	Huỳnh Thị Vang	1973	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
121	Nguyễn Văn Vững	1977	Phó trưởng phòng	nt	
122	Đinh Hoài Phong	1987	Phó trưởng phòng	nt	
123	Đặng Thị Thu Vân	1985	Chuyên viên	nt	
124	Lê Thanh Trí	1984	Chuyên viên	nt	
125	Lê Thị Phương Nga	1986	Cán sự	nt	
126	Lê Văn Ân	1969	Chuyên viên	nt	
127	Nguyễn Minh Trí	1984	Chuyên viên	nt	
128	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1986	Chuyên viên	nt	
129	Nguyễn Thị Ngọc Trang	1983	Chuyên viên	nt	
130	Võ Thành Nhân	1985	Chuyên viên	nt	
131	Võ Thị Anh Thơ	1985	Chuyên viên	nt	
132	Lê Thị Thủy Tiên	1988	Chuyên viên	nt	
133	Võ Thị Hồng Yến	1977	Chuyên viên	nt	
134	Nguyễn Thanh Loan	1985	Chuyên viên	nt	
135	Lê Kiều Loan	1992	Chuyên viên	nt	
136	Lê Thành Tuyển	1991	Chuyên viên	nt	
137	Trần Văn Trung	1979	Chuyên viên	nt	
138	Nguyễn Thị Kim Huệ	1982	Chuyên viên	nt	
139	Nguyễn Thị Cẩm Kiều	1987	Chuyên viên	nt	
140	Nguyễn Đức Hùng	1966	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	
141	Đặng Minh Tâm	1978	Phó Trưởng phòng	nt	
142	Huỳnh Văn Đức	1960	Phó Trưởng phòng	nt	
143	Lê Thị Thanh Trúc	1985	Chuyên viên -Kế toán	nt	
144	Phan Huỳnh Lam Sơn	1988	Chuyên viên phụ trách Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	nt	
145	Trần Trung Nghĩa	1974	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	
146	Huỳnh Văn Tú	1965	Phó trưởng phòng	nt	
147	Nguyễn Nhật Tiến	1981	Phó trưởng phòng	nt	
148	Trần Thị Nam Chi	1979	Kế toán	nt	
149	Đinh Thanh Hồng	1963	Trưởng phòng	Phòng Y tế	
150	Trương Tấn Hùng	1966	Phó trưởng phòng	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
151	Đinh Thị Dung	1969	Phó trưởng phòng	nt	
152	Trần Thị Mỹ Dung	1985	Kế toán	nt	
153	Nguyễn Thị Út	1967	Chuyên viên Kiểm tra y dược tư nhân	nt	
154	Bùi Hữu Hòa	1989	Chuyên viên Kiểm tra y dược tư nhân	nt	
155	Nguyễn Trọng Nghĩa	1987	Chuyên viên Kiểm tra y dược tư nhân	nt	
156	Trần Thị Linh Cơ	1985	Chuyên viên Thẩm định, kiểm tra ATP	nt	
157	Lê Nguyễn Chơn Từ	1982	Chuyên viên Thẩm định, kiểm tra ATP	nt	
158	Trương Nữ Hoàng Thanh Bình	1975	Chánh Thanh tra	Thanh tra huyện	
159	Nguyễn Văn Dinh	1963	Phó Chánh Thanh tra	nt	
160	Trần Thị Mộng Cẩm	1976	Phó Chánh Thanh tra	nt	
161	Liêu Thị Phúc Hậu	1984	Thanh tra viên	nt	
162	Lê Huỳnh Nghĩa	1981	Chuyên viên	nt	
163	Nguyễn Thị Huyền	1993	Chuyên viên	nt	
164	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	1990	Thanh tra viên	nt	
165	Nguyễn Thành Luân	1988	Chuyên viên	nt	
166	Trần Sơn Hải	1978	Chuyên viên	nt	
167	Trần Tấn Lộc	1967	Trưởng ban	Ban Bồi Thường Giải phóng mặt bằng	
168	Nguyễn Văn Miêng	1958	Phó Trưởng ban	nt	
169	Hà Xuân Lai	1962	Phó Trưởng ban	nt	
170	Nguyễn Văn Vân	1960	Phó Trưởng ban	nt	
171	Nguyễn Thị Hồng Điệp	1964	Kế toán trưởng	nt	
172	Phạm Văn Minh	1965	Tổ trưởng tổ Nghiệp vụ 1	nt	
173	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1980	Tổ trưởng tổ HCVP	nt	
174	Nguyễn Văn Tài	1966	Tổ trưởng tổ Kiểm tra GQKN- TC	nt	
175	Nguyễn Quan Du	1977	Tổ trưởng tổ Nghiệp vụ 2	nt	
176	Nguyễn Thanh Sơn	1975	Tổ Trưởng tổ Nghiệp vụ 3	nt	
177	Nguyễn Văn Bình	1966	Tổ phó tổ Kế toán	nt	
178	Nguyễn Thị Thùy Linh	1979	Tổ phó tổ HCVP	nt	
179	Hồ Hữu Nhân	1982	Tổ phó Nghiệp vụ 2	nt	
180	Nguyễn Duy Nhứt	1982	Tổ phó tổ Kiểm tra GQKN- TC	nt	
181	Lê Thị Kim Thoa	1983	Chuyên viên Tổ Nghiệp vụ 3	nt	
182	Huỳnh Thế Hiền	1993	Chuyên viên Tổ Nghiệp vụ 4	nt	
183	Nguyễn Thúy An	1983	Chuyên viên tổ Kiểm tra GQKN- TC	nt	
184	Bùi Hồng Phúc	1981	Chuyên viên tổ Kiểm tra GQKN- TC	nt	
185	Nguyễn Thị Ngọc Thi	1994	Chuyên viên tổ HCVP	nt	
186	Giang Ngọc Trung		Nhân viên tổ HCVP	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
187	Nguyễn Thị Hạnh	1987	Chuyên viên tổ Kế toán	nt	
188	Vương Thị Bé Ngân	1993	Chuyên viên Tổ Kế toán	nt	
189	Nguyễn Thị Kim Yến	1987	Chuyên viên tổ Kế toán	nt	
190	Bùi Tiến Đạt	1988	Nhân viên Tổ Nghiệp vụ 1	nt	
191	Lê Nguyễn Hải Đăng	1988	Nhân viên Tổ Nghiệp vụ 1	nt	
192	Lê Văn Thật	1964	Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	
193	Lê Văn Thuận	1961	Phó Giám đốc	nt	
194	Đào Quốc Thái	1979	Phó Giám đốc	nt	
195	Nguyễn Hoàng Nguyên	1966	Phó Giám đốc	nt	
196	Huỳnh Thị Huyền Trân	1988	Văn thư	nt	
197	Lê Quang Huy	1983	Cán bộ kỹ thuật	nt	
198	Lương Thị Thùy Dương	1982	Kế toán	nt	
199	Nguyễn Hồng Cẩm	1979	Kế toán	nt	
200	Nguyễn Ngọc Thành	1983	Cán bộ kỹ thuật	nt	
201	Nguyễn Thành Vinh	1988	Cán bộ kỹ thuật	nt	
202	Nguyễn Thị Thu Ba	1981	Tổ phó kỹ thuật	nt	
203	Nguyễn Văn Thiết	1977	Cán bộ kỹ thuật	nt	
204	Phạm Đình Quân	1981	Cán bộ kỹ thuật	nt	
205	Phạm Thị Mai	1983	Kế toán	nt	
206	Phan Châu Phúc	1985	Cán bộ kỹ thuật	nt	
207	Phan Thị Trúc Phương	1985	Kế toán	nt	
208	Võ Hoàng Huy	1987	Cán bộ kỹ thuật	nt	
209	Võ Hồng Quân	1981	Cán bộ kỹ thuật	nt	
210	Võ Quốc Thái	1984	Cán bộ kỹ thuật	nt	
211	Hồ Minh Thông	1989	Cán bộ kỹ thuật	nt	
212	Phan Xuân Phú	1990	Cán bộ kỹ thuật	nt	
213	Tạ Nguyễn Phương Nguyên	1987	Cán bộ kỹ thuật	nt	
214	Liêu Anh Khoa	1985	Cán bộ kỹ thuật	nt	
215	Nguyễn Trung Việt	1987	Cán bộ kỹ thuật	nt	
216	Hồ Minh Tâm	1989	Kế toán	nt	
217	Nguyễn Diễm Trinh	1990	Kế toán	nt	
218	Nguyễn Đặng Sơn	1982	Cán bộ kỹ thuật	nt	
219	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1990	Kế toán	nt	
220	Trần Thị Ngọc Hiếu	1990	Cán bộ kỹ thuật	nt	
221	Nguyễn Thị Lệ Thủy	1964	Giám đốc	Trung tâm y tế	
222	Trần Huỳnh Lý	1982	Phó Giám đốc	nt	
223	Đặng Thị Loan Phương	1983	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	nt	
224	Trần Thanh Sang	1990	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
225	Lê Văn Phúc	1973	Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	nt	
226	Nguyễn Thanh Nhân	1984	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	nt	
227	Đặng Thị Nhanh	1979	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	nt	
228	Phạm Thị Ngọc Thủy	1983	Trưởng phòng Truyền thông GD Sức khỏe	nt	
229	Hồ Thanh Phong	1987	Phó Trưởng khoa KS bệnh tật	nt	
230	Trần Văn Tâm	1968	Phó Trưởng khoa KS bệnh tật	nt	
231	Trần Thị Nhung	1966	Phó Trưởng khoa An toàn thực phẩm	nt	
232	Trần Tấn Định	1985	Phó Trưởng khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	nt	
233	Nguyễn Hồng Hạnh	1970	Phó Trưởng khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	nt	
234	Nguyễn Thị Hoa Lan	1971	Trưởng khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản	nt	
235	Lương Hoài Thanh	1984	Trưởng khoa Xét nghiệm và Chuẩn đoán hình ảnh	nt	
236	Dương Văn Dân	1980	Phó Trưởng khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	nt	
237	Nguyễn Thị Tú Hoa	1982	Phó Trưởng khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	nt	
238	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1964	Phó Trưởng khoa Liên chuyên khoa	nt	
239	Lâm Tuấn Kiệt	1984	Phó Trưởng khoa Liên chuyên khoa	nt	
240	Nguyễn Tấn Chiến	1970	Trưởng khoa Tham vấn Hỗ trợ cộng đồng, HIV/AIDS	nt	
241	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1984	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
242	Huỳnh Ngọc Thúy	1982	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
243	Võ Thị Diệu Hiền	1983	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
244	Đặng Thị Cẩm Hương	1985	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
245	Trần Thị Thu Thảo	1992	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
246	Nguyễn Thị Hà	1989	Phó trưởng phòng TC - KT	nt	
247	Phạm Thị Thanh Vân	1982	Nhân viên phòng TC-KT	nt	
248	Hồ Hải Trường Giang	1983	Giám đốc	Bệnh viện huyện Củ Chi	
249	Trần Chánh Xuân	1984	Phó Giám đốc	nt	
250	Ngô Thị Ngọc Diệp	1969	Trưởng phòng KHTH và VT-TTBYT	nt	
251	Nguyễn Văn Mến	1991	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	nt	
252	Võ Thành Đông Hải	1975	Quyền Trưởng phòng HCQT	nt	
253	Trần Hoàng Linh	1979	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	nt	
254	Nguyễn Thị Như Quỳnh	1983	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	nt	
255	Trần Văn Phe	1964	Trưởng khoa Xét nghiệm	nt	
256	Lý Văn Tèo	1969	Trưởng khoa KSNK	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
257	Đỗ Thị Phương Thu	1968	Phó Trưởng khoa KSNK	nt	
258	Nguyễn Văn Tính	1971	Trưởng khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực chống độc	nt	
259	Võ Hùng Lâm	1973	Trưởng khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực chống độc	nt	
260	Nguyễn Thị Mẫn	1972	Trưởng LK Nội-Nhi	nt	
261	Nguyễn Lê Thiên Thư	1981	Trưởng khoa Y học cổ truyền	nt	
262	Võ Thị Thu Liễu	1983	Phó Trưởng khoa Y học cổ truyền	nt	
263	Lê Thị Tuyết Vân	1986	Kế toán	nt	
264	Phạm Thị Nhân	1985	Kế toán	nt	
265	Phạm Thị Hoa Thơm	1982	Kế toán	nt	
266	Phan Thị Ngọc Lài	1986	Kế toán	nt	
267	Nguyễn Thị Mỹ Chi	1989	Kế toán	nt	
268	Bùi Văn Tư	1961	Kế toán	nt	
269	Phan Hiệp Hòa	1973	Trưởng đài	Đài truyền thanh huyện	
270	Trần Văn Chí	1964	Phó trưởng đài	nt	
271	Đỗ Văn Tèo	1961	Phó trưởng đài	nt	
272	Trần Văn Đông	1972	Kế toán	nt	
273	Tô Văn Lịch	1959	Đội trưởng	Đội quản lý bến xe	
274	Huỳnh Minh Phương	1984	Kế toán	nt	
275	Nguyễn Hoàng Minh	1983	Trưởng ban	Ban Quản lý chợ Cù Chi	
276	Lê Hoàng Thanh Châu	1981	Phó Trưởng ban	nt	
277	Trần Thị Lệ Hoa	1970	Kế toán	nt	
278	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	1981	Giám đốc	Trung tâm văn hóa	
279	Phạm Văn Sứ	1977	Phó Giám đốc	nt	
280	Lê Văn Thân	1967	Phó Giám đốc	nt	
281	Nguyễn Thị Tiên	1984	Kế toán	nt	
282	Trần Minh Thùy	1983	Kế toán	nt	
283	Nguyễn Văn Gon	1962	Giám đốc	Trung tâm thể dục thể thao	
284	Phạm Hoàng Thiện	1963	Phó giám đốc	nt	
285	Trần Ngọc Tuấn	1967	Phó giám đốc	nt	
286	Trương Mạnh Tuấn	1988	Kế toán	nt	
287	Nguyễn Hữu Ngọc	1978	Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	
288	Phan Thanh Trọng	1977	Phó Giám đốc	nt	
289	Võ Thị Hồng Thảo	1982	Phó Giám đốc	nt	
290	Phan Thị Bé	1967	Kế toán	nt	
291	Lê Công Khoa	1964	Kế toán	nt	
292	Trần Minh Phụng	1976	Hiệu trưởng	Trường Trung cấp nghề	
293	Lê Đình Hùng	1960	Phó Hiệu trưởng	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
294	Phan Đỗ Huy Thông	1972	Phó Hiệu trưởng	nt	
295	Trần Văn Sơn	1967	Kế toán trưởng	nt	
296	Võ Thị Ngọc Hiệp	1985	Kế toán	nt	
297	Nguyễn Hoàng Nam	1988	Ban mua sắm công	nt	
298	Huỳnh Thanh Quang	1962	Chủ tịch HĐ thành viên	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Củ Chi	
299	Nguyễn Văn Thành	1968	TV HĐTV - Giám đốc	nt	
300	Trần Thị Dừng	1963	TV HĐTV Phó Giám đốc	nt	
301	Võ Thị Thu Thủy	1976	Phó Giám đốc	nt	
302	Hà Vĩnh Phúc	1979	Kiểm soát viên	nt	
303	Võ Thị Phương Dung	1976	Kế toán trưởng	nt	
304	Trần Thị Minh Châu	1988	Phó phòng Kế toán	nt	
305	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1965	Trưởng phòng TC-HC	nt	
306	Phạm Thị Nhạn	1970	Phó Trưởng phòng TC-HC	nt	
307	Nguyễn Văn Tuấn	1974	Trưởng phòng KH	nt	
308	Nguyễn Văn Phúc	1970	Phó Trưởng phòng KH-KD	nt	
309	Nguyễn Trung Hiếu	1984	Phó Trưởng phòng KH-KD	nt	
310	Thái Văn Hiền	1977	Phó Trưởng phòng KH-KD	nt	
311	Nguyễn Văn Hưng	1967	Bí thư Đảng ủy/ CT.HĐND	UBND Xã Tân Thông Hội	
312	Võ Văn Minh	1962	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
313	Phan Thị Cẩm Nhung	1972	PCT.HĐND xã	nt	
314	Bùi Thanh Việt	1977	Chủ tịch UBND xã	nt	
315	Nguyễn Tuấn Phong	1983	Phó chủ tịch UBND xã	nt	
316	Hồ Thành Đạt	1981	Phó chủ tịch UBND xã	nt	
317	Hồ Thanh Nam	1981	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
318	Ngô Xuân Kỳ	1975	Địa chính-XD - NN và MT	nt	
319	Phạm Thị Thùy Trang	1986	Địa chính-XD - NN và MT	nt	
320	Phan Thị Kim Huyền	1985	Tài chính-Kế toán	nt	
321	Phan Thị Kim Ngân	1983	Tư pháp-Hộ tịch	nt	
322	Phạm Ngọc Minh	1984	LĐ, Thương binh và Xã hội	nt	
323	Lê Văn Tuấn	1975	Thành viên ban mua sắm	nt	
324	Trương Văn Long	1964	Thành viên ban mua sắm	nt	
325	Phạm Minh Ngọc	1957	Thành viên ban mua sắm	nt	
326	Phan Thị Xuân Hương	1981	Thành viên ban mua sắm	nt	
327	Huỳnh Anh Tuấn	1986	Thành viên ban mua sắm	nt	
328	Đỗ Ngọc Phượng	1965	Thành viên ban mua sắm	nt	
329	Nguyễn Văn Trỗi	1963	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tân An Hội	
330	Lê Thị Thơ	1980	Phó Bí thư Đảng ủy xã	nt	
331	Đặng Thị Vũ Cẩm	1982	Phó Chủ tịch HĐND xã	nt	
332	Phạm Văn Bình	1976	Chủ tịch UBND xã	nt	
333	Trần Thị Ngọc Ánh	1968	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
334	Nguyễn Thị Ilo	1983	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
335	Nguyễn Thị Phương Thúy	1982	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
336	Huỳnh Chí Công	1987	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
337	Nguyễn Thị Thu Huyền	1985	Tài chính - Kế toán	nt	
338	Võ Thị Cẩm Thu	1990	Tài chính - Kế toán	nt	
339	Nguyễn Thị Trang	1981	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
340	Nguyễn Văn Thường	1979	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
341	Huỳnh Tấn Hưng	1984	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
342	Nguyễn Hoàng Tuyển	1984	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
343	Trần Văn Lâm	1995	CB Lao động TB - XH	nt	
344	Nguyễn Văn Hạnh	1970	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Phú Hòa Đông	
345	Đoàn Thị Thu Trang	1983	Phó Bí thư/ Chủ tịch HĐND	nt	
346	Nguyễn Ngọc Lan	1981	Chủ tịch UBND	nt	
347	Lâm Minh Tấn	1963	Phó Chủ tịch UBND	nt	
348	Võ Thị Ngọc Cẩm	1977	Phó Chủ tịch UBND	nt	
349	Lâm Hồng Quân	1987	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
350	Nguyễn Minh Khánh	1983	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
351	Lê Văn Luân	1987	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
352	Hà Trung Hiếu	1985	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
353	Võ Thùy Trang	1985	Tài chính - Kế toán	nt	
354	Phạm Thị Thảo	1985	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
355	Trần Thị Thanh Thảo	1983	CB Lao động TB - XH	nt	
356	Mai Thị Ngọc Duyên	1982	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Trung Lập Thượng	
357	Lê Thanh Hùng	1963	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
358	Tô Thị Nhung	1977	Phó CT.HĐND	nt	
359	Nguyễn Quốc Huy	1977	Chủ tịch UBND	nt	
360	Huỳnh Thanh Vũ	1967	Phó Chủ tịch UBND	nt	
361	Trần Minh Hòa	1981	Phó Chủ tịch UBND	nt	
362	Nguyễn Hoàng Khương	1979	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
363	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1983	Kế toán-Tài chính	nt	
364	Cao Thành Hiệp	1978	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
365	Ngô Văn Phong	1982	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
366	Lương Bá Tông	1978	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
367	Lý Văn Minh	1965	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
368	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1985	Cán bộ LĐ-TBXH	nt	
369	Nguyễn Thị Hằng	1982	Cán bộ LĐ-TBXH	nt	
370	Trần Thị Ngọc Dung	1978	Bí thư Đảng ủy xã	UBND xã Nhuận Đức	
371	Trần Văn Thắng	1974	Phó Bí thư đảng ủy	nt	
372	Võ Ngọc Hiếu	1978	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
373	Võ Thị Thanh Vân	1980	Chủ tịch UBND	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
374	Lê Thị Ngọc Trang	1983	Phó Chủ tịch UBND	nt	
375	Trần Minh Hiệp	1980	Phó Chủ tịch UBND	nt	
376	Lâm Thanh Cao	1982	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
377	Phạm Minh Thống	1987	Tài chính - Kế toán	nt	
378	Đào Thanh Tòng	1981	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
379	Đặng Nguyễn Khánh Ly	1989	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
380	Tô Thanh Điền	1977	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
381	Mai Thị Tuyết Mai	1983	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
382	Phạm Nhứt Quý	1995	Lao động TB - XH	nt	
383	Phan Thị Thanh Thúy	1982	Ban mua sắm công	nt	
384	Trần Thanh Thảo	1985	Ban mua sắm công	nt	
385	Đỗ Thành Thắng	1985	Ban mua sắm công	nt	
386	Phạm Hữu Phách	1987	Ban mua sắm công	nt	
387	Lê Anh Tuấn	1975	Ban mua sắm công	nt	
388	Lê Lai	1987	Ban mua sắm công	nt	
389	Nguyễn Thị Thuận	1980	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tân Phú Trung	
390	Lê Thị Minh Đan	1982	Phó Bí thư đảng ủy	nt	
391	Phạm Thị Giang	1966	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
392	Nguyễn Quốc Tuấn	1970	Chủ tịch UBND	nt	
393	Đặng Văn Hùng	1967	Phó Chủ tịch UBND	nt	
394	Võ Thanh Diệu	1986	Phó Chủ tịch UBND	nt	
395	Nguyễn Thanh Phong	1980	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
396	Nguyễn Thị Mộng Thúy	1986	Tài chính - Kế toán	nt	
397	Cao Thị Toàn	1989	Tài chính - Kế toán	nt	
398	Nguyễn Hữu Thiết	1980	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
399	Nguyễn Thị Hồng	1965	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
400	Nguyễn Đông Xuân	1978	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
401	Trần Minh Mân	1993	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
402	Đặng Ngọc Diệu	1986	Lao động TBXH	nt	
403	Phan Ngọc Bích	1993	Lao động TBXH	nt	
404	Võ Thanh Khiết	1988	Lao động TBXH	nt	
405	Trần Thanh Nam	1973	Bí thư Đảng ủy/CT HĐND	UBND xã Phạm Văn Cội	
406	Phạm Thị Kim Duyên	1980	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
407	Phạm Thành Chung	1980	Phó chủ tịch HĐND	nt	
408	Võ Thị Thu Hồng	1975	Chủ tịch UBND	nt	
409	Võ Hoàng Trung Dũng	1988	Phó Chủ tịch UBND	nt	
410	Trần Thị Huệ Anh	1986	Tài chính – Kế toán	nt	
411	Nguyễn Thị Xuân Trang	1981	Tư pháp – Hộ tịch	nt	
412	Nguyễn Tân Biên	1991	ĐC – XD – NN và MT	nt	
413	Lê Công Trung	1981	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
414	Tạ Thị Thanh Thúy	1983	Cán bộ LĐ - TBXH	nt	
415	Nguyễn Tấn Toại	1964	Bí thư Đảng ủy xã	UBND xã Trung An	
416	Nguyễn Văn Cẩm	1964	Phó Bí thư Đảng ủy xã	nt	
417	Trần Ngọc Thanh	1971	Phó Chủ tịch HĐND xã	nt	
418	Lê Trí Dũng	1981	Chủ tịch UBND xã	nt	
419	Nguyễn Thanh Nhân	1983	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
420	Huỳnh Văn Phương	1973	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
421	Võ Văn Sang	1975	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
422	Hà Mộng Thơ	1984	Tài chính - kế toán	nt	
423	Đặng Nhứt Minh	1985	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
424	Phạm Thị Mộng Tuyền	1987	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
425	Ngô Thị Hồng Loan	1985	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
426	Lê Thanh Lý	1981	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
427	Bùi Thị Hương Trà	1986	CB LĐTĐTBXH	nt	
428	Nguyễn Thanh Phong	1976	Bí thư Đảng ủy	UBND xã An Nhơn Tây	
429	Nguyễn Văn Dân	1967	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
430	Nguyễn Thị Kim Doan	1982	Phó Chủ tịch HĐND xã	nt	
431	Phạm Hoàng Hà	1975	Chủ tịch UBND	nt	
432	Phạm Chí Tâm	1978	Phó Chủ tịch UBND	nt	
433	Huỳnh Cao Kim Phi	1981	Phó Chủ tịch UBND	nt	
434	Trịnh Văn Tuấn Cường	1987	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
435	Nguyễn Tấn Đạt	1985	Tư pháp - hộ tịch	nt	
436	Phan Kim Phụng	1989	Tư pháp - hộ tịch	nt	
437	Nguyễn Minh Thành	1991	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
438	Nguyễn Thị Thanh Thi	1984	Tài chính - Kế toán	nt	
439	Bùi Thị Kim Duyên	1986	Tài chính - Kế toán	nt	
440	Bùi Đức Huy	1991	LĐ TBXH	nt	
441	Nguyễn Thị Bích Liễu	1984	LĐ TBXH	nt	
442	Phan Văn Phước	1962	Bí thư Đảng ủy/ CT HĐND	UBND xã Phước Vĩnh An	
443	Trần Văn Sang	1968	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
444	Trần Hoàng Tuyền	1979	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
445	Trà Thanh Tùng	1981	Chủ tịch UBND xã	nt	
446	Nguyễn Thị Minh Hương	1983	Phó Chủ tịch UBND	nt	
447	Trần Cẩm Thanh	1984	Phó Chủ tịch UBND	nt	
448	Nguyễn Văn Đức	1976	Trưởng công an xã	nt	
449	Nguyễn Hoàng Giang	1983	CH trưởng quân sự	nt	
450	Nguyễn Thùy Trang	1987	Tài chính - Kế toán	nt	
451	Trần Thị Mỹ Châu	1989	Tài chính - Kế toán	nt	
452	Ngô Thị Mộng Thu	1982	Địa chính - XD - NN và MT	nt	
453	Nguyễn Hoàng Nam	1979	Địa chính - XD - NN và MT	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
454	Phạm Cửu Trường	1971	Tư pháp - hộ tịch	nt	
455	Võ Thị Hoàng Oanh	1988	Tư pháp - hộ tịch	nt	
456	Võ Thị Thanh	1978	CB LĐTĐBXH	nt	
457	Nguyễn Thị Bắc Sinh	1977	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Trung Lập Hạ	
458	Khâu Thanh Phương Bằng	1980	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
459	Lê Tuấn Ngọc	1977	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
460	Nguyễn Thị Hường	1982	Chủ tịch UBND xã	nt	
461	Nguyễn Thới Loan	1969	Phó Chủ tịch UBND	nt	
462	Huỳnh Văn Nhựt	1972	Phó Chủ tịch UBND	nt	
463	Nguyễn Hồng Tiến	1982	CH trưởng quân sự	nt	
464	Lê Kim Hồng	1986	Tài chính - Kế toán	nt	
465	Trần Kha Nhã Uyên	1989	Tài chính - Kế toán	nt	
466	Lê Đình Tâm	1977	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
467	Trần Thị Diễm Trang	1988	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
468	Nguyễn Thanh Sơn	1972	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
469	Ngô Phước Thịnh	1986	Địa chính - XD -NN và MT	nt	
470	Nguyễn Thị Loan	1987	LĐ TBXH	nt	
471	Trần Đỗ Phương Thảo	1995	LĐ TBXH	nt	
472	Bùi Thanh Vũ	1979	Bí thư Đảng ủy	UBND xã An Phú	
473	Võ Thành Mỹ	1959	Phó bí thư Đảng ủy	nt	
474	Lê Văn An	1981	Phó chủ tịch HĐND	nt	
475	Nguyễn Văn Tài	1974	Chủ tịch UBND xã	nt	
476	Bùi Thị Xuân Thảo	1981	Phó chủ tịch UBND	nt	
477	Lê Thanh Hải	1984	CH trưởng quân sự	nt	
478	Trần Kim Hương	1984	Địa chính - xây dựng - NN-MT	nt	
479	Trần Thị Bích Thảo	1978	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
480	Cao Thị Hồng	1981	Tài chính - kế toán	nt	
481	Nguyễn Thị Anh Trang	1984	Cán bộ LĐTĐBXH	nt	
482	Trần Văn Tạo	1961	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tân Thạnh Tây	
483	Võ Văn Phương	1979	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
484	Võ Thị Huỳnh Tiên	1978	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
485	Nguyễn Văn Sơn	1979	Chủ tịch UBND	nt	
486	Lê Hoàng Nguyên	1981	Phó Chủ tịch UBND	nt	
487	Nguyễn Hữu Trung	1974	CH trưởng quân sự	nt	
488	Nguyễn Đức Duy	1975	Trưởng công an xã	nt	
489	Nguyễn Thị Nhiếp	1982	Tài chính - Kế toán	nt	
490	Phạm Thị Ngọc An	1988	Tài chính - Kế toán	nt	
491	Hồ Như Thủy	1981	Địa chính - Xây dựng	nt	
492	Nguyễn Bích Thuận	1985	Địa chính - Xây dựng	nt	
493	Huỳnh Thị Tuyết Loan	1986	Tư pháp - Hộ tịch	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
494	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	1986	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
495	Đặng Hồng Diễm	1987	Lao động TB - XH	nt	
496	Dương Quốc Trung	1978	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Hoà Phú	
497	Lê Văn Đen	1962	Phó bí thư ĐU/CT.HĐND	nt	
498	Nguyễn Kim Châu	1966	Phó chủ tịch HĐND xã	nt	
499	Tô Văn Vững	1966	Chủ tịch UBND xã	nt	
500	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	1979	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
501	Lê Long Huỳnh	1988	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
502	Lê Thị Thanh Thuỷ	1986	Tài chính – kế toán xã	nt	
503	Huỳnh Thị Hồng	1983	Tài chính – kế toán xã	nt	
504	Trương Thị Kim Hoa	1983	Tư pháp – hộ tịch	nt	
505	Trần Thị Thùy Trang	1983	Tư pháp – hộ tịch	nt	
506	Nguyễn Hữu Thái	1981	Địa chính – XD – NNMT	nt	
507	Lê Văn An	1963	Lao động – TB Xã hội	nt	
508	Nguyễn Thị Hằng	1979	Bí thư Đảng ủy	UBND Thị trấn Củ Chi	
509	Lê Thị Thùy Trang	1973	Phó Bí thư Đảng ủy Thị trấn	nt	
510	Nguyễn Thị Kim Thoa	1979	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
511	Nguyễn Văn Dương	1983	Chủ tịch UBND	nt	
512	Bùi Minh Phụng	1971	Phó Chủ tịch UBND	nt	
513	Huỳnh Thị Hồng Vân	1984	Phó Chủ tịch UBND	nt	
514	Nguyễn Chính Thắng	1984	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
515	Trương Thị Mỹ Tiên	1977	Tài chính - Kế toán	nt	
516	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1984	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
517	Nguyễn Thị Lan Thoa	1991	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
518	Trần Giang Trung	1978	Địa chính - XD - ĐT và MT	nt	
519	Đặng Quang Tuyên	1979	Địa chính - XD - ĐT và MT	nt	
520	Đặng Mai Chi	1978	Lao động TB - XH	nt	
521	Huỳnh Văn Liêm	1971	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Bình Mỹ	
522	Huỳnh Nhật Bảo	1979	Phó bí thư/ Chủ tịch HĐND	nt	
523	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	1983	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
524	Đỗ Thị Thanh Thúy	1980	Chủ tịch UBND	nt	
525	Trần Quang Thái	1979	Phó Chủ tịch UBND	nt	
526	Phạm Tấn Phát	1982	Phó Chủ tịch UBND	nt	
527	Huỳnh Kiêm Tuyên	1984	Tài chính - kế toán	nt	
528	Nguyễn Thị Thúy An	1985	Tài chính - kế toán	nt	
529	Nguyễn Lê Tâm	1976	Tư pháp - hộ tịch	nt	
530	Nguyễn Thị Phương Linh	1983	Tư pháp - hộ tịch	nt	
531	Phạm Thanh Tú	1985	Địa chính - xây dựng - nông nghiệp và MT	nt	
532	Phan Thị Mộng Thương	1994	Địa chính - xây dựng - nông nghiệp và MT	nt	
533	Lê Anh Thư	1988	LĐ-thương binh và xã hội	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
534	Trương Thị Hồng	1978	LĐ-thương binh và xã hội	nt	
535	Huỳnh Thị Sen	1965	BT. Đảng ủy-CT. HĐND	UBND xã Phú Mỹ Hưng	
536	Võ Văn Hở	1963	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
537	Trương Văn Một	1960	Phó Cgur tịch HĐND	nt	
538	Trần Văn Hên	1979	Chủ tịch UBND xã	nt	
539	Hồ Kim Cảnh	1981	Phó Chủ tịch UBND xã	nt	
540	Ngô Văn Dũng	1975	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
541	Phạm Văn Tấn	1968	Tài chính-kế toán	nt	
542	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1982	Tài chính-kế toán	nt	
543	Ngô Thị Cẩm Loan	1987	ĐC-XD-NN&MT	nt	
544	Huỳnh Thị Phương Quỳnh	1988	Tư pháp - hộ tịch	nt	
545	Huỳnh Văn Chiến	1968	Tư pháp - hộ tịch	nt	
546	Trương Thị Cẩm Tú	1989	Tư pháp - hộ tịch	nt	
547	Cao Thị Thanh	1987	CB. LĐTĐ-BHXH	nt	
548	Huỳnh Văn Thông	1967	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Thái Mỹ	
549	Nguyễn Văn Bình	1972	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
550	Trần Thị Hồng Cẩm	1977	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
551	Lê Ngọc Sương	1979	Chủ tịch UBND	nt	
552	Nguyễn Văn Lập	1975	Phó Chủ tịch UBND	nt	
553	Lê Ngọc Thanh Tuyền	1981	Phó Chủ tịch UBND	nt	
554	Lê Thái Hòa	1980	Chỉ huy trưởng quân sự	nt	
555	Dương Thị Lắm	1978	Tài chính - Kế toán	nt	
556	Hồ Thị Tuyết Trinh	1988	Tài chính - Kế toán	nt	
557	Nguyễn Kim Toàn	1989	Địa chính - Xây dựng	nt	
558	Trần Thị Châm	1982	Địa chính - Xây dựng	nt	
559	Nguyễn Thị Khương	1966	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
560	Trần Thị Kim Sa	1980	LĐ TBXH	nt	
561	Nguyễn Thị Lệ	1988	LĐ TBXH	nt	
562	Huỳnh Văn Mừng	1966	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tân Thạnh Đông	
563	Lê Thị Mai	1970	Phó Bí thư Đảng ủy	nt	
564	Phạm Thị Bạch Nhu	1987	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
565	Nguyễn Công Duyên	1981	Chủ tịch UBND xã	nt	
566	Huỳnh Văn Thành	1977	Phó Chủ tịch UBND	nt	
567	Dương Ngọc Loan	1988	Phó Chủ tịch UBND	nt	
568	Nguyễn Thanh Nhân	1975	CH trưởng quân sự	nt	
569	Trần Thủy Loan	1990	Tài chính - Kế toán	nt	
570	Lê Quyết Tiến	1978	Địa chính - Xây dựng XD-MT	nt	
571	Nguyễn Huyền Trang	1990	Địa chính - Xây dựng XD-MT	nt	
572	Nguyễn Thị Lam Tuyền	1982	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
573	Trần Nhật Tuyền	1983	Tư pháp - Hộ tịch	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
574	Đào Quốc Việt	1984	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
575	Huỳnh Thị Thúy Kiều	1990	Lao động - Thương binh - Xã hội	nt	
576	Trần Thị Kim Xuyên	1990	Địa chính - Xây dựng XD-MT	nt	
577	Hồ Văn Nhuôt	1964	Bí thư đảng ủy	UBND xã Phước Thạnh	
578	Đỗ Minh Tấn	1982	Phó Bí thư đảng ủy	nt	
579	Nguyễn Văn Tền	1960	Phó chủ tịch HĐND	nt	
580	Phạm Thị Hiếu	1972	Chủ tịch UBND	nt	
581	Huỳnh Thị Trúc Mai	1976	Phó chủ tịch UBND	nt	
582	Trần Thị Thanh Tiên	1983	Phó chủ tịch UBND	nt	
583	Nguyễn Thị Hướng Dương	1985	Tư pháp - hộ tịch	nt	
584	Đỗ Thị Thanh Nga	1980	Tư pháp - hộ tịch	nt	
585	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1982	Tài chính - Kế hoạch	nt	
586	Nguyễn Vũ Chi Lăng	1992	Tài chính - Kế hoạch	nt	
587	Võ Thị Loan	1980	Địa chính -XD-NN-MT	nt	
588	Nguyễn Trí Thông	1990	Địa chính -XD-NN-MT	nt	
589	Lê Thị Thanh Sang	1983	CC Văn hóa - Xã hội (Phụ trách LĐTĐ- XH)	nt	
590	Nguyễn Văn Tuyển	1979	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
591	Võ Thị Hiên	1969	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Phước Hiệp	
592	Khâu Đăng Khoa	1979	Phó Bí thư đảng ủy	nt	
593	Nguyễn Kim Khánh	1985	Phó Chủ tịch HĐND	nt	
594	Trần Văn Cui	1966	PBT/Chủ tịch UBND	nt	
595	Nguyễn Tấn Trung	1985	Phó Chủ tịch UBND	nt	
596	Võ Hồng Lĩnh	1981	Phó Chủ tịch UBND	nt	
597	Nguyễn Văn Hồng	1983	Chỉ huy trưởng Quân sự	nt	
598	Trần Thị Mai	1988	Tài chính - Kế toán	nt	
599	Hà Ngọc An	1982	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
600	Nguyễn Thị Kim Tuyền	1979	Tư pháp - Hộ tịch	nt	
601	Nguyễn Thị Trúc Phương	1982	ĐC-NN-XD-MT xã	nt	
602	Phạm Văn Hoa	1985	ĐC-NN-XD-MT xã	nt	
603	Trương Nhựt Hà	1989	LĐ-TBXH (chính sách)	nt	
604	Nguyễn Thành Văn	1964	Tổ mua sắm	nt	
605	Nguyễn Thị Kiều Ngân	1983	Tổ mua sắm	nt	
606	Huỳnh Thị Bích Sơn	1966	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Phú Trung 1	
607	Trần Thị Trang	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
608	Trần Thị Hằng	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
609	Võ Phương Linh	1982	Kế toán	nt	
610	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	1988	Ban mua sắm công	nt	
611	Nguyễn Thị Kim Xuân	1977	Ban mua sắm công	nt	
612	Nguyễn Thị Diễm Thu	1987	Ban mua sắm công	nt	
613	Lê Thị Lang	1979	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Phú Trung 2	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
614	Huỳnh Thị Lan	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
615	Đỗ Thị Minh Hương	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
616	Huỳnh Thị Thanh Nga	1986	Kế toán	nt	
617	Phan Thị Thu Hương	1977	Ban mua sắm	nt	
618	Lê Thị Phượng Thư	1979	Ban mua sắm	nt	
619	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1994	Ban mua sắm	nt	
620	Nguyễn Thị Năm	1965	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thông Hội 1	
621	Đặng Thị Kiều Loan	1980	Phó Hiệu trưởng	nt	
622	Nguyễn Thanh Thoa	1989	Phó Hiệu trưởng	nt	
623	Trần Thị Hoa	1977	Kế toán	nt	
624	Nguyễn Thị Thu Hương	1984	Ban mua sắm công	nt	
625	Nguyễn Thành Định	1994	Ban mua sắm công	nt	
626	Trần Minh Nguyệt	1982	Ban mua sắm công	nt	
627	Lâm Thị Thu Thảo	1983	Ban mua sắm công	nt	
628	Lê Thị Thu Thủy	1973	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thông Hội 2	
629	Lưu Thị Thúy Diễm	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
630	Nguyễn Thị Nguyệt	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
631	Châu Mộng Thùy	1984	Kế toán	nt	
632	Nguyễn Ái Trâm	1993	Ban mua sắm công	nt	
633	Ngô Thị Tuyết Nhung	1978	Ban mua sắm công	nt	
634	Trang Sử Nhon	1968	Ban mua sắm công	nt	
635	Nguyễn Hoàng Phúc	1981	Ban mua sắm công	nt	
636	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	1975	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thông Hội 3	
637	Phan Ngọc Mỹ	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
638	Võ Ngọc Loan	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
639	Huỳnh Thị Hiếu	1989	Kế toán	nt	
640	Võ Thị Chuông	1969	Ban mua sắm công	nt	
641	Nguyễn Văn E	1962	Ban mua sắm công	nt	
642	Ngô Thị Ngọc Bích	1992	Ban mua sắm công	nt	
643	Lê Thị Minh Phương	1966	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thông Hội 4	
644	Huỳnh Thị Ngọc Mai	1967	Phó Hiệu trưởng	nt	
645	Hồ Thị Thanh	1969	Kế toán	nt	
646	Cái Thị Ngọc Trâm	1977	Ban mua sắm công	nt	
647	Trần Vũ Thu Hiền	1984	Ban mua sắm công	nt	
648	Phạm Thị Nhum	1964	Hiệu trưởng	Trường MN Thị trấn Củ Chi 1	
649	Phan Thị Hồng Nhung	1982	Phó Hiệu trưởng	nt	
650	Lê Thị Trâm Anh	1985	Phó Hiệu trưởng	nt	
651	Nguyễn Thị Thúy Nga	1986	Kế toán	nt	
652	Đỗ Thị Cẩm Uyên	1976	Ban mua sắm	nt	
653	Nguyễn Thị Diệu Liên	1989	Ban mua sắm	nt	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
654	Ngô Thị Thuý	1964	Hiệu trưởng	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 2	
655	Trương Thị Cúc	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
656	Đoàn Thị Hiền	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
657	Đinh Thị Hiền	1988	Kế toán	nt	
658	Ngô Thị Thảo Sương	1986	Ban mua sắm công	nt	
659	Nguyễn Thị Kim Hoàng	1964	Ban mua sắm công	nt	
660	Dương Ngọc Chương	1963	Ban mua sắm công	nt	
661	Nguyễn Thị Rinh	1965	Hiệu trưởng	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 3	
662	Phan Thị Hương	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
663	Lê Thị Hồng Thủy	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
664	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	1980	Kế toán	nt	
665	Lê Thị Hương	1966	Ban mua sắm công	nt	
666	Nguyễn Thị Hương	1978	Ban mua sắm công	nt	
667	Đào Thị Thanh Hương	1978	Ban mua sắm công	nt	
668	Lê Ngọc Hịa	1969	Hiệu trưởng	Trường MN Phước Hiệp	
669	Lê Thanh Truyền	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
670	Phạm Thị Anh Đào	1983	Phó Hiệu trưởng	nt	
671	Nguyễn Thị Hương Xuân	1982	Kế toán	nt	
672	Ngô Hoàng Yến	1973	Ban mua sắm công	nt	
673	Lê Thị Hồng Luận	1979	Ban mua sắm công	nt	
674	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1994	Ban mua sắm công	nt	
675	Lê Thị Hồng	1973	Hiệu trưởng	Trường MN Thái Mỹ	
676	Lê Thị Luận	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
677	Nguyễn Thị Nữ	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
678	Nguyễn Thị Hồng Vân	1988	Kế toán	nt	
679	Phạm Thị Ngọc Thanh	1991	Ban mua sắm công	nt	
680	Hồ Thị Miệng	1969	Ban mua sắm công	nt	
681	Trần Việt Dũng	1972	Ban mua sắm công	nt	
682	Ngô Thị Khuyên	1965	Hiệu trưởng	Trường MN Trung Lập Hạ	
683	Phạm Thị Hồng Nhũ	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
684	Nguyễn Kim Phụng	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
685	Nguyễn Thị Đỗ Uyên	1985	Kế toán	nt	
686	Trần Văn Phận	1970	Ban mua sắm công	nt	
687	Nguyễn Thị Hà	1970	Ban mua sắm công	nt	
688	Trần Thị Hồng Tươi	1978	Ban mua sắm công	nt	
689	Trịnh Thị Mai Trinh	1970	Hiệu trưởng	Trường MN Nhuận Đức	
690	Nguyễn Thị Bảy	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
691	Lê Kim Tuyền	1985	Phó Hiệu trưởng	nt	
692	Nguyễn Văn Nhà	1985	Kế toán	nt	
693	Huỳnh Thị Gái	1966	Ban mua sắm	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
694	Huỳnh Thị Diễm	1986	Ban mua sắm	nt	
695	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	1987	Ban mua sắm	nt	
696	Tổng Thị Hồng Duyên	1987	Ban mua sắm	nt	
697	Nguyễn Văn Hai	1973	Ban mua sắm	nt	
698	Tăng Thị Sáng	1964	Hiệu trưởng	Trường MN An Nhơn Tây	
699	Đặng Thị Tuyền	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
700	Nguyễn Thị Tiên	1977	Phó Hiệu trưởng	nt	
701	Phan Nguyễn Kim Vân	1984	Kế toán	nt	
702	Lê Thị Thanh Vy	1963	Ban mua sắm	nt	
703	Nguyễn Thị Nga	1971	Ban mua sắm	nt	
704	Tạ Ngọc Từ Trung	1983	Ban mua sắm	nt	
705	Trần Thị Hạnh	1965	Hiệu trưởng	Trường MN Hoàng Minh Đạo	
706	Nguyễn Thị Hải	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
707	Nguyễn Thùy Hương	1968	Kế toán	nt	
708	Đỗ Thị Loan	1980	Ban mua sắm công	nt	
709	Nguyễn Thị Trúc Giang	1990	Ban mua sắm công	nt	
710	Trang Thị Kim Loan	1972	Hiệu trưởng	Trường MN Phạm Văn Cội 1	
711	Trần Thị Lệ	1968	Phó Hiệu trưởng	nt	
712	Nguyễn Thị Ngọc Lành	1977	Phó Hiệu trưởng	nt	
713	Đoàn Thị Phương Thảo	1985	Kế toán	nt	
714	Nguyễn Văn Nhường	1978	Ban mua sắm công	nt	
715	Lê Thị Thủy Hằng	1982	Ban mua sắm công	nt	
716	Lê Thị Phương Loan	1968	Ban mua sắm công	nt	
717	Võ Thị Nguyệt	1970	Hiệu trưởng	Trường MN Phạm Văn Cội 2	
718	Trần Thị Thoa	1985	Phó Hiệu trưởng	nt	
719	Vương Thị Mỹ Dung	1989	Kế toán	nt	
720	Bùi Thị Thanh Thức	1978	Ban mua sắm công	nt	
721	Võ Văn Phát	1972	Ban mua sắm công	nt	
722	Huỳnh Mỹ Long	1969	Hiệu trưởng	Trường MN Phú Hòa Đông	
723	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1984	Phó Hiệu trưởng	nt	
724	Võ Thị Thùy Linh	1988	Phó Hiệu trưởng	nt	
725	Nguyễn Thị Hoa Lý	1984	Kế toán	nt	
726	Đặng Ngọc Khoa	1984	Ban mua sắm công	nt	
727	Phạm Văn Tây	1988	Ban mua sắm công	nt	
728	Nguyễn Ngọc Nữ	1977	Hiệu trưởng	Trường MN Phước Vĩnh An	
729	Trần Thị Rí	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
730	Nguyễn Thị Trúc Đào	1988	Phó Hiệu trưởng	nt	
731	Lê Thị Thanh Trà	1987	Kế toán	nt	
732	Hoàng Thị Duyên	1978	Ban mua sắm công	nt	
733	Nguyễn Minh Phương	1984	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
734	Ngô Thị Thúy Diễm	1984	Ban mua sắm công	nt	
735	Trần Thị Kim Lan	1966	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thạnh Đông	
736	Văn Thị Duyên	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
737	Nguyễn Thị Hồng Lê	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
738	Lê Thị Thuý Linh	1980	Kế toán	nt	
739	Trần Ngọc Hân	1987	Ban mua sắm công	nt	
740	Trần Bích Liễu	1990	Ban mua sắm công	nt	
741	Nguyễn Thị Gái	1964	Hiệu trưởng	Trường MN Trung An 1	
742	Cao Thị Hồng	1985	Phó Hiệu trưởng	nt	
743	Hồ Anh Uyên	1984	Kế toán	nt	
744	Nguyễn Thị Thu An	1977	Ban mua sắm công	nt	
745	Dương Ngọc Trinh	1981	Ban mua sắm công	nt	
746	Trương Thị Nhung	1972	Ban mua sắm công	nt	
747	Phạm Thị Xinh Xinh	1974	Hiệu trưởng	Trường MN Trung An 2	
748	Nguyễn Thanh Lan	1982	Phó Hiệu trưởng	nt	
749	Đặng Thị Thúy Hằng	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
750	Võ Minh Phượng	1984	Kế toán	nt	
751	Nguyễn Thị Thủy	1968	Hiệu trưởng	Trường MN Hòa Phú	
752	Trần Thị Kim Thoa	1988	Phó Hiệu trưởng	nt	
753	Lâm Thị Bích Hồng	1988	Phó Hiệu trưởng	nt	
754	Mai Thị Thu Hà	1990	Kế toán	nt	
755	Nguyễn Thanh Thủy	1987	Ban mua sắm công	nt	
756	Đặng Thúy Vân	1990	Ban mua sắm công	nt	
757	Hồ Thị Lan Phương	1984	Ban mua sắm công	nt	
758	Nguyễn Thị Giàu	1969	Hiệu trưởng	Trường MN Bình Mỹ	
759	Nguyễn Thị Thêm	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
760	Nguyễn Thị Mãi	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
761	Hồ Thị Yến Nhi	1988	Kế toán	nt	
762	Trần Thị Thoa	1984	Ban mua sắm công	nt	
763	Nguyễn Thanh Tâm	1977	Ban mua sắm công	nt	
764	Nguyễn Mỹ Trang	1979	Ban mua sắm công	nt	
765	Huỳnh Thị Diễm	1976	Hiệu trưởng	Trường MN Phước Thạnh	
766	Huỳnh Thị Kim Thoa	1987	Phó Hiệu trưởng	nt	
767	Lê Thị Liên	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
768	Trần Mỹ Hằng	1966	Kế toán	nt	
769	Võ Thị Thanh Xuân	1984	Ban mua sắm công	nt	
770	Nguyễn Bích Ngọc	1964	Ban mua sắm công	nt	
771	Huỳnh Ngọc Hiếu	1991	Ban mua sắm công	nt	
772	Đặng Thị Mai	1976	Hiệu trưởng	Trường MN Trung Lập Thượng	
773	Cam Thị Thoa	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
774	Nguyễn Thị Minh Thu	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
775	Nguyễn Thị Thúy Linh	1984	Kế toán	nt	
776	Đặng Thị Rem	1968	Ban mua sắm công	nt	
777	Nguyễn Thị Bích Thảo	1985	Ban mua sắm công	nt	
778	Lê Nhựt Nha	1993	Ban mua sắm công	nt	
779	Phạm Thị Minh Hiếu	1969	Hiệu trưởng	Trường MN Tân An Hội 1	
780	Hoàng Thị Hiên	1972	Phó Hiệu trưởng	nt	
781	Trần Thị Thanh	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
782	Lê Thị Kim Ngọc	1985	Kế toán	nt	
783	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	1989	Ban mua sắm công	nt	
784	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1979	Ban mua sắm công	nt	
785	Nguyễn Minh Chánh	1971	Ban mua sắm công	nt	
786	Phan Thị Kim Chi	1971	Hiệu trưởng	Trường MN Tân An Hội 2	
787	Nguyễn Ngọc Diễm Thùy	1986	Phó Hiệu trưởng	nt	
788	Nguyễn Ngọc Dung	1987	Kế toán	nt	
789	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1988	Ban mua sắm công	nt	
790	Lê Thanh Hải	1971	Ban mua sắm công	nt	
791	Võ Ngọc Phượng	1968	Ban mua sắm công	nt	
792	Nguyễn Thị Rạt	1964	Hiệu trưởng	Trường MN An Phú	
793	Trần Thị Kim Xuyên	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
794	Nguyễn Thị Kim Thùy	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
795	Nguyễn Ngọc Lanh	1985	Kế toán	nt	
796	Nguyễn Xuân Thanh	1973	Ban mua sắm công	nt	
797	Trần Thị Lan	1965	Ban mua sắm công	nt	
798	Hà Thị Diễm	1989	Ban mua sắm công	nt	
799	Võ Thị Vững	1967	Hiệu trưởng	Trường MN Tây Bắc	
800	Nguyễn Thị Út	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
801	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	1980	Kế toán	nt	
802	Lương Thị Hồng Ngọc	1992	Ban mua sắm công	nt	
803	Nguyễn Thị Phương Trúc	1980	Ban mua sắm công	nt	
804	Nguyễn Thị Hồng Thủy	1993	Ban mua sắm công	nt	
805	Trịnh Thị Thu Hương	1969	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Thạnh Tây	
806	Ngô Thị Tuyết	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
807	Vương Thị Loan Châu	1980	Kế toán	nt	
808	Võ Thị Yến Phương	1987	Ban mua sắm công	nt	
809	Trịnh Công Minh	1961	Ban mua sắm công	nt	
810	Nguyễn Thế Nhân	1966	Hiệu trưởng	Trường TH An Nhơn Đông	
811	Phan Tấn Phong	1967	Phó Hiệu trưởng	nt	
812	Nguyễn Hoàng Oanh	1991	Kế toán	nt	
813	Dương Thị Hà	1987	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
814	Nguyễn Văn Cường	1969	Ban mua sắm công	nt	
815	Phạm Văn Đỗ	1972	Ban mua sắm công	nt	
816	Nguyễn Thị Thuận	1975	Hiệu trưởng	Trường TH An Nhơn Tây	
817	Nguyễn Văn Đức	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
818	Võ Thị Cẩm Hương	1985	Kế toán	nt	
819	Phạm Uy Duy	1988	Ban mua sắm công	nt	
820	Nguyễn Thị Xinh	1969	Ban mua sắm công	nt	
821	Nguyễn Ngọc Ngoan	1979	Ban mua sắm công	nt	
822	Trần Thanh Tâm	1985	Ban mua sắm công	nt	
823	Đặng Thị Kim Chi	1990	Ban mua sắm công	nt	
824	Lê Văn Sây	1960	Hiệu trưởng	Trường TH An Phước	
825	Nguyễn Văn Tộc	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
826	Lại Thị Xa Kim	1979	Kế toán	nt	
827	Trần Thị Huỳnh Như	1992	Ban mua sắm công	nt	
828	Nguyễn Thị Hòa	1967	Ban mua sắm công	nt	
829	Nguyễn Thị Hoa	1967	Ban mua sắm công	nt	
830	Cao Thủy Triều	1975	Hiệu trưởng	Trường TH An Phú 1	
831	Nguyễn Thị Hằng	1985	Kế toán	nt	
832	Đoàn Văn Thành	1970	Ban mua sắm công	nt	
833	Hồ Thị Hồng Vân	1977	Ban mua sắm công	nt	
834	Phạm Thị Ngọc Yến	1987	Ban mua sắm công	nt	
835	Lê Thị Hồng Việt	1966	Hiệu trưởng	Trường TH An Phú 2	
836	Trần Văn Tám	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
837	Ngô Văn Thư	1997	Kế toán	nt	
838	Vũ Hoàng Khanh	1971	Ban mua sắm công	nt	
839	Lê Thị Tuyết Nhung	1979	Ban mua sắm công	nt	
840	Nguyễn Xuân Vinh	1968	Ban mua sắm công	nt	
841	Lê Văn Châu	1969	Ban mua sắm công	nt	
842	Lê Thị Vinh	1978	Ban mua sắm công	nt	
843	Huỳnh Văn Cường	1964	Hiệu trưởng	Trường TH Bình Mỹ	
844	Phan Thị Thu Phong	1977	Phó Hiệu trưởng	nt	
845	Nguyễn Thị Tùng	1965	Kế toán	nt	
846	Nguyễn Thị Ngọc Châu	1986	Ban mua sắm công	nt	
847	Võ Thành Trung	1975	Ban mua sắm công	nt	
848	Trần Thị Ánh Dung	1994	Ban mua sắm công	nt	
849	Nguyễn Thanh Xuân	1962	Hiệu trưởng	Trường TH Bình Mỹ 2	
850	Lê Thị Xuân Lan	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
851	Nguyễn Thị Hồng Thủy	1993	Kế toán	nt	
852	Nguyễn Thị Na	1973	Ban mua sắm công	nt	
853	Nguyễn Tiến Sỹ	1984	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
854	Quách Văn Minh	1963	Hiệu trưởng	Trường TH Hòa Phú	
855	Nguyễn Văn Sơn	1967	Phó Hiệu trưởng	nt	
856	Nguyễn Thị Thu Huệ	1975	Phó Hiệu trưởng	nt	
857	Trần Thị Kiều Oanh	1985	Kế toán	nt	
858	Trần Hải Yến	1960	Ban mua sắm công	nt	
859	Trần Ngọc Thư	1965	Ban mua sắm công	nt	
860	Nguyễn Hoàng Thạch Trúc	1987	Ban mua sắm công	nt	
861	Trần Thị Túy Loan	1977	Ban mua sắm công	nt	
862	Lâm Huỳnh Thị Thúy An	1989	Ban mua sắm công	nt	
863	Trần Hồng Trang	1994	Ban mua sắm công	nt	
864	Ngô Đức Nhuận	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Lê Thị Pha	
865	Nguyễn Hữu Phúc	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
866	Dương Thị Kim Thoa	1987	Kế toán	nt	
867	Chung Thị Phết	1966	Ban mua sắm công	nt	
868	Trần Thị Luyến	1993	Ban mua sắm công	nt	
869	Nguyễn Thị Cẩm Liên	1991	Ban mua sắm công	nt	
870	Nguyễn Văn Út	1967	Hiệu trưởng	Trường TH Lê Văn Thế	
871	Nguyễn Thị Ngọc Liễu	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
872	Lê Minh Tuấn	1986	Kế toán	nt	
873	Cao Thủy Trang	1973	Ban mua sắm công	nt	
874	Phùng Tấn Ngọc	1961	Ban mua sắm công	nt	
875	Huỳnh Quang Linh	1971	Ban mua sắm công	nt	
876	Trần Văn Thanh	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Liên Minh Công Nông	
877	Võ Phương Hòa	1980	Phó Hiệu trưởng	nt	
878	Cao Thị Huệ	1980	Kế toán	nt	
879	Nguyễn Thanh Hòa	1970	Ban mua sắm công	nt	
880	Lê Văn Hùng	1971	Ban mua sắm công	nt	
881	Lưu Thị Mai Trinh	1978	Ban mua sắm công	nt	
882	Vương Thoại Trân	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	
883	Dương Thị Nhung	1975	Phó Hiệu trưởng	nt	
884	Nguyễn Thị Lụa	1967	Kế toán	nt	
885	Liêu Văn Hòa	1962	Ban mua sắm công	nt	
886	Nguyễn Thị Hồng Phúc	1993	Ban mua sắm công	nt	
887	Lên Thị Thanh Xuân	1991	Ban mua sắm công	nt	
888	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	1973	Hiệu trưởng	Trường TH Nhuận Đức	
889	Traần Thị Anh Uyên	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
890	Lý Thị Hòa Thuận	1980	Kế toán	nt	
891	Nguyễn Thanh Tôn	1975	Ban mua sắm công	nt	
892	Tô Thị Luận	1975	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
893	Trương Văn Minh	1989	Ban mua sắm công	nt	
894	Ngô Thủ Thiêm	1966	Hiệu trưởng	Trường TH Nhuận Đức 2	
895	Nguyễn Thị Thùy Trang	1972	Phó Hiệu trưởng	nt	
896	Nguyễn Thùy Dung	1982	Kế toán	nt	
897	Võ Văn Dũng	1969	Ban mua sắm công	nt	
898	Trần Thị Kịch	1965	Ban mua sắm công	nt	
899	Phạm Văn Cu	1977	Ban mua sắm công	nt	
900	Lê Văn Bồng	1961	Hiệu trưởng	Trường TH Phạm Văn Cội	
901	Phạm Văn Nhuận	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
902	Đoàn Thanh Lâm	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
903	Nguyễn Thị Lệ Dung	1988	Kế toán	nt	
904	Nguyễn Ngọc Hậu	1978	Ban mua sắm công	nt	
905	Nguyễn Văn Minh	1965	Ban mua sắm công	nt	
906	Lê Thị Thu Hà	1974	Ban mua sắm công	nt	
907	Tạ Phước Khánh Vân	1994	Ban mua sắm công	nt	
908	Âu Xuân Tường	1963	Hiệu trưởng	Trường TH Phước Hiệp	
909	Đặng Văn Lai	1961	Phó Hiệu trưởng	nt	
910	Phan Thị Kim Liên	1981	Kế toán	nt	
911	Nguyễn Văn Nghị	1969	Ban mua sắm công	nt	
912	Nguyễn Thị Nhung	1989	Ban mua sắm công	nt	
913	Phan Văn Minh	1970	Ban mua sắm công	nt	
914	Huỳnh Chánh Thi	1964	Hiệu trưởng	Trường TH Phước Thạnh	
915	Nguyễn Văn Tới	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
916	Lê Nguyên Minh	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
917	Lê Thị Ngọc Hoa	1979	Kế toán	nt	
918	Nguyễn Văn An	1991	Ban mua sắm công	nt	
919	Phạm Thị Hường	1970	Ban mua sắm công	nt	
920	Phạm Thị Yến Oanh	1969	Ban mua sắm công	nt	
921	Nguyễn Văn Sơn	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Phước Vĩnh An	
922	Nguyễn Thị Mộng Trang	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
923	Trần Thị Nốp	1969	Kế toán	nt	
924	Hồ Thị Bích Tuyền	1977	Hiệu trưởng	Trường TH Phú Hòa Đông	
925	Nguyễn Thị Thanh Hương	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
926	Nguyễn Văn Vĩnh	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
927	Trần Thị Hằng	1983	Kế toán	nt	
928	Nguyễn Hữu Phước	1962	Ban mua sắm công	nt	
929	Nguyễn Kim Thanh	1983	Ban mua sắm công	nt	
930	Phan Thị Bích Tiền	1977	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Phú Hòa Đông 2	
931	Nguyễn Thị Nga	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
932	Hồ Đạt Thịnh	1984	Kế toán	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
933	Lê Thị Phương Dung	1969	Ban mua sắm công	nt	
934	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1993	Ban mua sắm công	nt	
935	Nguyễn Tấn Tài	1964	Hiệu trưởng	Trường TH Phú Mỹ Hưng	
936	Võ Văn Khang	1967	Phó Hiệu trưởng	nt	
937	Ngô Thị Thanh Thúy	1970	Kế toán	nt	
938	Nguyễn Ngọc Thúy	1984	Ban mua sắm công	nt	
939	Huỳnh Văn Thông	1970	Ban mua sắm công	nt	
940	Nguyễn Văn Khôi	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Phú	
941	Lê Thị Tuyền	1967	Phó Hiệu trưởng	nt	
942	Phan Thị Thuỷ	1965	Phó Hiệu trưởng	nt	
943	Nguyễn Thị Ngọc Hân	1986	Kế toán	nt	
944	Lê Thị Hương	1966	Ban mua sắm công	nt	
945	Nguyễn Thị Kim Sơn	1972	Ban mua sắm công	nt	
946	Nguyễn Nghĩa Hùng	1994	Ban mua sắm công	nt	
947	Ngô Minh Hùng	1965	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Phú Trung	
948	Trần Văn Thành	1968	Phó Hiệu trưởng	nt	
949	Lê Thị Kim Liên	1983	Kế toán	nt	
950	Nguyễn Thị Kim Phượng	1973	Ban mua sắm công	nt	
951	Phạm Thị Hương Thảo	1989	Ban mua sắm công	nt	
952	Đặng Thị Anh Đào	1966	Ban mua sắm công	nt	
953	Phan Văn Long	1968	Ban mua sắm công	nt	
954	Nguyễn Thành Phương	1965	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thông Hội	
955	Trần Minh Công	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
956	Trần Thị Mỹ Phượng	1966	Kế toán	nt	
957	Nguyễn Thị Thu Trang	1991	Ban mua sắm công	nt	
958	Phan Thị Thanh Lan	1982	Ban mua sắm công	nt	
959	Huỳnh Văn Mão	1963	Ban mua sắm công	nt	
960	Đào Đại Thắng	1962	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thành	
961	Đặng Văn Trái	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
962	Lê Thị Hồng Lân	1992	Kế toán	nt	
963	Cao Thị Minh	1967	Ban mua sắm công	nt	
964	Dương Thành Thủ	1982	Ban mua sắm công	nt	
965	Nguyễn Tấn Thọ	1973	Ban mua sắm công	nt	
966	Đào Văn Thắng	1962	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thạnh Đông	
967	Đoàn Thị Ánh	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
968	Trương Thị Thanh	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
969	Hồ Thị Thu	1968	Kế toán	nt	
970	Nguyễn Ngọc Anh	1992	Ban mua sắm công	nt	
971	Nguyễn Văn Phước	1965	Ban mua sắm công	nt	
972	Hồ Thị Thao	1965	Ban mua sắm công	nt	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
973	Nguyễn Phúc Trường Vân	1973	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	
974	Lê Văn Xin	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
975	Trương Hương Bình	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
976	Huỳnh Bảo Ân	1986	Kế toán	nt	
977	Trương Trọng Nam	1966	Ban mua sắm công	nt	
978	Đặng Mộc Thạch	1990	Ban mua sắm công	nt	
979	Nguyễn Thị Thanh Giàu	1968	Ban mua sắm công	nt	
980	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1975	Ban mua sắm công	nt	
981	Nguyễn Minh Tùng	1967	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	
982	Phạm Đăng Tùng	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
983	Nguyễn Thị Là	1968	Kế toán	nt	
984	Nguyễn Văn Cư	1969	Ban mua sắm công	nt	
985	Đào Thị Ngọc Nhân	1965	Ban mua sắm công	nt	
986	Trần Minh Phụng	1988	Ban mua sắm công	nt	
987	Trịnh Quang Liêm	1966	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thạnh Tây	
988	Nguyễn Văn Lực	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
989	Phạm Văn Chính	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
990	Đặng Thị Mai	1973	Kế toán	nt	
991	Đoàn Thị Trúc Mai	1984	Ban mua sắm công	nt	
992	Võ Duy Khương	1987	Ban mua sắm công	nt	
993	Trịnh Tòng Sang	1962	Ban mua sắm công	nt	
994	Nguyễn Văn Bình	1966	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Tiến	
995	Nguyễn Kim Nhung	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
996	Nguyễn Tấn Phong	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
997	Lữ Thị Minh Phương	1992	Kế toán	nt	
998	Nguyễn Thanh Long	1970	Ban mua sắm công	nt	
999	Lê Thị Hà	1990	Ban mua sắm công	nt	
1000	Nguyễn Thị Kiều Ngân	1972	Ban mua sắm công	nt	
1001	Võ Văn Dũng	1967	Hiệu trưởng	Trường TH Thái Mỹ	
1002	Nguyễn Mạnh Thường	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
1003	Trần Thị Kim Cương	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1004	Nguyễn Thị Thiên Kiều	1985	Kế toán	nt	
1005	Dương Thị Thu Trang	1974	Ban mua sắm công	nt	
1006	Huỳnh Văn Tùng	1978	Ban mua sắm công	nt	
1007	Trần Thị Cẩm Hồng	1971	Ban mua sắm công	nt	
1008	Nguyễn Quốc Quý	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Thị Trấn Củ Chi	
1009	Phạm Văn Lương	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
1010	Phan Thị Mỹ	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
1011	Trần Thị Anh Thư	1982	Kế toán	nt	
1012	Nguyễn Thị Trinh	1973	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1013	Trần Thị Ngọc Minh	1975	Ban mua sắm công	nt	
1014	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1984	Ban mua sắm công	nt	
1015	Võ Thị Kim Trang	1968	Hiệu trưởng	Trường TH Trần Văn Châm	
1016	Nguyễn Thị Thanh Bình	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
1017	Trần Thị Kim Hương	1987	Kế toán	nt	
1018	Lê Kiều Hạnh	1964	Ban mua sắm công	nt	
1019	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	1988	Ban mua sắm công	nt	
1020	Nguyễn Quang Vinh	1974	Hiệu trưởng	Trường TH Trung An	
1021	Nguyễn Văn Mai	1962	Phó Hiệu trưởng	nt	
1022	Phan Ngọc Phi	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
1023	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1986	Kế toán	nt	
1024	Nguyễn Đăng Khoa	1982	Ban mua sắm công	nt	
1025	Lê Thị Bé	1971	Ban mua sắm công	nt	
1026	Châu Thị Ngọc Kiều	1982	Ban mua sắm công	nt	
1027	Võ Văn Rột	1966	Hiệu trưởng	Trường TH Trung Lập Hạ	
1028	Trương Văn Thống	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
1029	Võ Thị Kim Châu	1981	Kế toán	nt	
1030	Nguyễn Tấn Trung	1973	Ban mua sắm công	nt	
1031	Nguyễn Văn Đăng	1966	Ban mua sắm công	nt	
1032	Đào Lê Nguyên Bách	1990	Ban mua sắm công	nt	
1033	Nguyễn Thị Kim Tuyền	1993	Ban mua sắm công	nt	
1034	Nguyễn Thị Nhân	1970	Hiệu trưởng	Trường TH Trung Lập Thượng	
1035	Nguyễn Văn Lam	1968	Phó Hiệu trưởng	nt	
1036	Lê Thị Thanh Thủy	1981	Kế toán	nt	
1037	Trần Thiện Mão	1976	Ban mua sắm công	nt	
1038	Huỳnh Thị Su	1967	Ban mua sắm công	nt	
1039	Nguyễn Văn Dân	1970	Ban mua sắm công	nt	
1040	Nguyễn Văn Xinh	1963	Hiệu trưởng	Trường TH Thị trấn Củ Chi 2	
1041	Mai Sinh	1973	Phó Hiệu trưởng	nt	
1042	Lục Thị Thanh Thủy	1982	Kế toán	nt	
1043	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	1985	Ban mua sắm công	nt	
1044	Nguyễn Thị Lệ	1971	Ban mua sắm công	nt	
1045	Nguyễn Tuấn Lê	1973	Hiệu trưởng	Trường TH Tân Thông	
1046	Lê Văn Hoàng	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
1047	Lê Thị Lùng	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
1048	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1985	Kế toán	nt	
1049	Phạm Chí Đề	1968	Ban mua sắm công	nt	
1050	Lê Thị Thu Hồng	1981	Ban mua sắm công	nt	
1051	Nguyễn Bửu Khánh	1983	Ban mua sắm công	nt	
1052	Diệp Văn Hùng	1963	Hiệu trưởng	Trường TH Nguyễn Thị Lăng	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1053	Nguyễn Bạch Liên	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
1054	Nguyễn Văn Quý	1968	Hiệu trưởng	Trường TH-THCS Tân Trung	
1055	Phan Văn Tiến	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
1056	Nguyễn Thị Mỹ Sâm	1977	Phó Hiệu trưởng	nt	
1057	Lê Thị Mỹ Duyên	1994	Kế toán	nt	
1058	Nguyễn Thị Thùy Linh	1988	Ban mua sắm công	nt	
1059	Nguyễn Thị Nghĩa	1977	Ban mua sắm công	nt	
1060	Nguyễn Phi Hùng	1977	Ban mua sắm công	nt	
1061	Cao Thị Ngọc Hân	1978	Hiệu trưởng	Trường THCS An Nhơn Tây	
1062	Võ Thanh Bình	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1063	Phạm Thanh Hoa	1984	Kế toán	nt	
1064	Huỳnh Thanh Liêm	1966	Ban mua sắm công	nt	
1065	Trần Thị Thanh Hằng	1980	Ban mua sắm công	nt	
1066	Phạm Văn Hiệp	1967	Ban mua sắm công	nt	
1067	Nguyễn Thanh Tuấn	1975	Hiệu trưởng	Trường THCS An Phú	
1068	Nguyễn Ngọc Chi	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1069	Lâm Thị Minh Hương	1988	Kế toán	nt	
1070	Võ Văn Thoán	1967	Ban mua sắm công	nt	
1071	Lê Hùng Tấn	1979	Ban mua sắm công	nt	
1072	Nguyễn Văn Đến	1986	Ban mua sắm công	nt	
1073	Nguyễn Thị Nương	1974	Ban mua sắm công	nt	
1074	Nguyễn Thị Quyên	1982	Ban mua sắm công	nt	
1075	Nguyễn Văn Cư	1965	Hiệu trưởng	Trường THCS Bình Hòa	
1076	Bùi Văn Thông	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
1077	Nguyễn Thanh Nhân	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1078	Nguyễn Thị Thu Nhiều	1983	Kế toán	nt	
1079	Lâm Phước Triệu	1972	Ban mua sắm công	nt	
1080	Phạm Thị Thùy Dương	1978	Ban mua sắm công	nt	
1081	Huỳnh Văn Vinh	1979	Hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	
1082	Hồ Thị Thu Thủy	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1083	Kiều Thị Diễm Thúy	1988	Kế toán	nt	
1084	Dương Quốc Khánh	1980	Ban mua sắm công	nt	
1085	Đặng Thị Hương	1980	Ban mua sắm công	nt	
1086	Hồ Văn Nghĩa	1968	Hiệu trưởng	Trường THCS Nhuận Đức	
1087	Võ Đoàn Thái	1975	Phó Hiệu trưởng	nt	
1088	Lâm Mỹ Phượng	1983	Kế toán	nt	
1089	Nguyễn Văn Nặng	1971	Ban mua sắm công	nt	
1090	Huỳnh Tấn Hùng	1975	Ban mua sắm công	nt	
1091	Trần Thị Gái	1978	Ban mua sắm công	nt	
1092	Võ Thị Kim Liên	1967	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1093	Trần Đỗ Phương Bình	1974	Hiệu trưởng	Trường THCS Phạm Văn Cội	
1094	Trần Thế Phương	1977	Phó Hiệu trưởng	nt	
1095	Nguyễn Ngọc Chinh	1983	Kế toán	nt	
1096	Nguyễn Thị Khuy	1976	Hiệu trưởng	Trường THCS Phước Hiệp	
1097	Nguyễn Ngọc Tú	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
1098	Nguyễn Trần Châu Pha	1985	Kế toán	nt	
1099	Nguyễn Tấn Xuân	1965	Ban mua sắm công	nt	
1100	Trần Thị Thanh Vy	1992	Ban mua sắm công	nt	
1101	Lý Văn Sưa	1960	Ban mua sắm công	nt	
1102	Lương Thị Cẩm Tú	1976	Ban mua sắm công	nt	
1103	Huỳnh Thị Nhân	1976	Hiệu trưởng	Trường THCS Phước Thạnh	
1104	Nguyễn Văn Dư	1968	Phó Hiệu trưởng	nt	
1105	Lê Thị Ngọc Hiệp	1972	Kế toán	nt	
1106	Huỳnh Trung Nghĩa	1974	Ban mua sắm công	nt	
1107	Huỳnh Long Trọng	1976	Ban mua sắm công	nt	
1108	Nguyễn Thu Thủy	1971	Ban mua sắm công	nt	
1109	Nguyễn Thụy Diễm Trang	1974	Ban mua sắm công	nt	
1110	Nguyễn Văn Tý	1963	Hiệu trưởng	Trường THCS Phước Vĩnh An	
1111	Vũ Thị Hạnh	1972	Phó Hiệu trưởng	nt	
1112	Lê Thị Thanh Tuyền	1989	Kế toán	nt	
1113	Trần Thị Hoàn	1990	Ban mua sắm công	nt	
1114	Trần Thanh Thúy	1987	Ban mua sắm công	nt	
1115	Trần Thị Nùng	1963	Ban mua sắm công	nt	
1116	Nguyễn Thành Lâm	1985	Ban mua sắm công	nt	
1117	Đoàn Thị Hoa	1977	Hiệu trưởng	Trường THCS Phú Hòa Đông	
1118	Nguyễn Thị Rá	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
1119	Trương Văn Nù	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
1120	Lê Thị Mỹ Dung	1970	Kế toán	nt	
1121	Hà Thị Giàu	1976	Ban mua sắm công	nt	
1122	Lê Thị Cẩm Nguyên	1993	Ban mua sắm công	nt	
1123	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1981	Ban mua sắm công	nt	
1124	Nguyễn Trần Khắc Dương	1991	Ban mua sắm công	nt	
1125	Đặng Thanh Tùng	1980	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Phú Trung	
1126	Nguyễn Minh Hoàng	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
1127	Lê Thị Phương Đài	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
1128	Nguyễn Thị Hồng Vân	1987	Kế toán	nt	
1129	Trần Thị Thanh Thủy	1979	Trưởng Ban mua sắm công	nt	
1130	Thái Thị Thanh Thủy	1975	Ban mua sắm công	nt	
1131	Nguyễn Thành Chung	1978	Ban mua sắm công	nt	
1132	Phan Trần Sử Nhựt Giang	1975	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1133	Huỳnh Hữu Chí	1977	Ban mua sắm công	nt	
1134	Huỳnh Công Phú	1963	Ban mua sắm công	nt	
1135	Trần Trung Tín	1979	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Thông Hội	
1136	Lê Văn	1979	Phó Hiệu trưởng	nt	
1137	Phạm Thị Thu Hường	1982	Phó Hiệu trưởng	nt	
1138	Nguyễn Thị Như Phượng	1983	Kế toán	nt	
1139	Đào Công Văn	1967	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Thạnh Đông	
1140	Huỳnh Văn Trí	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
1141	Đỗ Minh Tân	1972	Phó Hiệu trưởng	nt	
1142	Đào Thị Hoa Lai	1992	Kế toán	nt	
1143	Nguyễn Thị Huyền Trâm	1989	Ban mua sắm công	nt	
1144	Nguyễn Đức Hiệp	1977	Ban mua sắm công	nt	
1145	Đặng Thị Ngọc Thắng	1980	Ban mua sắm công	nt	
1146	Phạm Thị Hồng vân	1984	Ban mua sắm công	nt	
1147	Võ Hoàng Thuận	1985	Ban mua sắm công	nt	
1148	Nguyễn Ngọc Hồng Phượng	1985	Ban mua sắm công	nt	
1149	Trần An Trường Giang	1977	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Tiến	
1150	Lê Thị Lệ	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
1151	Thân Thị Thu Trinh	1980	Kế toán	nt	
1152	Nguyễn Thị Hoa	1976	Ban mua sắm công	nt	
1153	Nguyễn Thị Thu Hằng	1970	Ban mua sắm công	nt	
1154	Khuu Nhật Phượng	1981	Ban mua sắm công	nt	
1155	Diêu Khắc Thuận	1979	Ban mua sắm công	nt	
1156	Nguyễn Thị Mông	1964	Hiệu trưởng	Trường THCS Thị Trấn	
1157	Võ Thị Bích Huyền	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
1158	Nguyễn Thị Hồng	1989	Kế toán	nt	
1159	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1976	Ban mua sắm công	nt	
1160	Ngô Thị Oanh	1977	Ban mua sắm công	nt	
1161	Đỗ Hữu Thông	1973	Ban mua sắm công	nt	
1162	Lê Quang Tâm	1988	Ban mua sắm công	nt	
1163	Nguyễn Thị Hóa	1971	Ban mua sắm công	nt	
1164	Nguyễn Văn Hiếu	1975	Hiệu trưởng	Trường THCS Thị Trấn 2	
1165	Lê Thị Bình	1966	Phó Hiệu trưởng	nt	
1166	Lê Chí Thành	1963	Phó Hiệu trưởng	nt	
1167	Nguyễn Hoàng Oanh	1981	Kế toán	nt	
1168	Lê Thị Ngọc Thắm	1974	Ban mua sắm công	nt	
1169	Nguyễn Thị Thắm	1972	Ban mua sắm công	nt	
1170	Bùi Anh Dũng	1964	Ban mua sắm công	nt	
1171	Trần Đức Toàn	1990	Ban mua sắm công	nt	
1172	Nguyễn Đức Thắng	1979	Ban mua sắm công	nt	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1173	Dương Văn Dũng	1963	Hiệu trưởng	Trường THCS Trung Lập	
1174	Hà Văn Hòn	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
1175	Nguyễn Thị Tiên	1991	Kế toán	nt	
1176	Trang Thị Mỹ	1966	Ban mua sắm công	nt	
1177	Lê Thị Thu Trang	1966	Ban mua sắm công	nt	
1178	Nguyễn Văn Bé	1963	Ban mua sắm công	nt	
1179	Cao Thành Được	1979	Ban mua sắm công	nt	
1180	Quách Thị Lương	1985	Ban mua sắm công	nt	
1181	Phạm Thị Phương Thanh	1982	Ban mua sắm công	nt	
1182	Văn Thị Cụt	1965	Hiệu trưởng	Trường THCS Trung Lập Hạ	
1183	Đặng Thị Mỹ Lệ	1971	Phó Hiệu trưởng	nt	
1184	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1984	Kế toán	nt	
1185	Lôi Tấn Phong	1989	Ban mua sắm công	nt	
1186	Trang Thành Sự	1979	Ban mua sắm công	nt	
1187	Võ Hồng Vỹ	1973	Hiệu trưởng	Trường THCS Hoà Phú	
1188	Phạm Thị Lan	1974	Phó Hiệu trưởng	nt	
1189	Võ Thị Thanh Thúy	1981	Kế toán	nt	
1190	Nguyễn Thị Mộng Duyên	1990	Ban mua sắm công	nt	
1191	Võ Hạnh	1967	Ban mua sắm công	nt	
1192	Võ Thị Thu	1969	Ban mua sắm công	nt	
1193	Huỳnh Thị Mỹ Nhân	1987	Ban mua sắm công	nt	
1194	Lê Thanh Tuyền	1993	Ban mua sắm công	nt	
1195	Nguyễn Tú Sơn	1967	Hiệu trưởng	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	
1196	Võ Thị Hằng	1964	Phó Hiệu trưởng	nt	
1197	Võ Thị Loan Em	1980	Kế toán	nt	
1198	Trần Thanh Tường	1971	Ban mua sắm công	nt	
1199	Võ Văn Tính	1980	Ban mua sắm công	nt	
1200	Huỳnh Thị Yến Chi	1971	Ban mua sắm công	nt	
1201	Thân Lê Hồng Nhung	1979	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân An Hội	
1202	Thái Yến Xuân	1969	Phó Hiệu trưởng	nt	
1203	Phạm Thị Mỹ Linh	1988	Kế toán	nt	
1204	Nguyễn Phú Tín	1967	Ban mua sắm công	nt	
1205	Mai Thị Tuyết Nhung	1977	Ban mua sắm công	nt	
1206	Nguyễn Văn Trí	1962	Ban mua sắm công	nt	
1207	Lâm Thị Cẩm Tiên	1994	Ban mua sắm công	nt	
1208	Nguyễn Văn Nghiệp	1964	Ban mua sắm công	nt	
1209	Võ Văn Hoàn	1962	Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Thạnh Tây	
1210	Phạm Hữu Lâm	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1211	Huỳnh Thị Anh Thư	1990	Kế toán	nt	
1212	Huỳnh Tấn Bích	1964	Ban mua sắm công	nt	

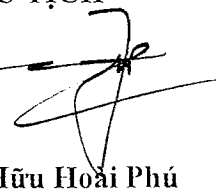
STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1213	Lý Thanh Quang	1971	Ban mua sắm công	nt	
1214	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	1977	Ban mua sắm công	nt	
1215	Trần Minh Cường	1992	Ban mua sắm công	nt	
1216	Nguyễn Văn Tuông	1965	Hiệu trưởng	Trường THCS Trung An	
1217	Nguyễn Thị Mến	1978	Phó Hiệu trưởng	nt	
1218	Nguyễn Thị Nhật Lan	1985	Kế toán	nt	
1219	Huỳnh Hữu Lộc	1973	Ban mua sắm công	nt	
1220	Huỳnh Thị Phiên	1980	Ban mua sắm công	nt	
1221	Trang Thị Nhung	1964	Hiệu trưởng	Trường Bồi dưỡng Giáo dục	
1222	Nguyễn Thị Ngọc Lam	1976	Phó Hiệu trưởng	nt	
1223	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	1981	Kế toán	nt	
1224	Trần Nguyên Vũ	1969	Ban mua sắm công	nt	
1225	Nguyễn Thị Thanh Hòa	1977	Ban mua sắm công	nt	
1226	Hồ Thị Rót	1971	Hiệu trưởng	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện	
1227	Nguyễn Thị Mỹ	1970	Phó Hiệu trưởng	nt	
1228	Phạm Thị Thúy Nguyên	1984	Kế toán	nt	
1229	Trần Thị Tuyết Mai	1989	Ban mua sắm công	nt	
1230	Võ Thị Hạnh	1964	Ban mua sắm công	nt	

Tổng cộng: 1230 trường hợp.

Người lập biểu



Phạm Ngọc Thu Hiền

Nguyễn Hữu Hoài Phú